TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HS-ST
Ngày 18-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Lý Thị Thiên Nga

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đinh N H, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: Số 5Đ50 phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 38 đường T, phường C, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Công T và bà Ngô Thị R; có vợ là Vũ Như Q và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 01/02/2019; có mặt.

2. Đỗ V T, sinh ngày 23 tháng 7 năm 1997 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Mạnh H và bà Nguyễn Thị Ln; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 01/02/2019; có mặt.

3. Phạm V D, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1997 tại Hải Phòng. Nơi cư trú:

Thôn Y, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Th; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 01/02/2019; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Đỗ Thị T A, sinh năm 1998; nơi ĐKHKTT: Số 9/29/227 đường N, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 63 đường L, phường M, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Lê Văn V; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10 năm 2018, Đỗ V T làm nhân viên của quán AINI PET; địa chỉ số 63 đường L, phường M, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Tại đây, T được chị Đỗ Thị T A, sinh năm 1998, nơi cư trú: Số 9/29/227 đường N, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng là chủ quán giao 01 chiếc điện thoại Iphone 6 dùng để liên lạc với khách hàng. Quá trình làm việc, T sử dụng chiếc điện thoại trên và phát hiện trong điện thoại có clip của chị A quan hệ tình cảm với 01 người phụ nữ khác. T dùng điện thoại của mình quay lại clip của chị A thành 03 clip rồi lưu lại trong điện thoại. Sau đó, T mang điện thoại về phòng trọ của mình tại số 8/2/639 đường N, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng cho Phạm V D và Đinh N H cùng xem và sau đó xóa đi. Đến ngày 28/01/2019, khi dùng tài khoản Icloud tiendo230797@gmail.com của T đăng nhập vào điện thoại của D thì T, H, D phát hiện clip quan hệ tình cảm của chị A vẫn còn lưu lại. Lúc này, H nảy sinh ý định dùng clip trên đe dọa chị A để lấy tiền. H nói với D và T về ý định trên, cả hai cùng đồng ý. H và T chụp lại 06 ảnh cắt ra từ trong clip rồi ra quán rửa 06 ảnh mang về phòng trọ. Tại đây, cả ba bàn bạc và thống nhất dùng 06 ảnh vừa rửa và clip để đe dọa chị A lấy 100.000.000 đồng.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 29/01/2019, H và D đi ra cầu vượt Lạch Tray thuê 01 người xe ôm không quen biết mang 06 ảnh đến đưa cho chị A tại địa chỉ số 63 đường L, phường M, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. H gọi điện cho chị A từ số điện thoại 0383972319 yêu cầu chị A đưa 100.000.000 đồng để chuộc lại clip, nếu không sẽ phát tán clip đó lên mạng. Vì lo sợ, chị A đồng ý đưa cho nhóm của H số tiền yêu cầu trên. Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 30/01/2019, H mua chiếc sim điện thoại số 0896115677 lắp vào điện thoại và gọi cho chị A yêu cầu chị A để tiền ở đầu ngõ 654 đường N, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng nhưng chị A không đồng ý. Sáng ngày 30/01/2019, H ra quán điện thoại trên đường N copy clip sang USB và thuê xe ôm mang đến cửa hàng chị A. Đến 15 giờ cùng ngày, chị A gọi điện thoại cho H nói sẽ giao cho H 100.000.000 đồng và

yêu cầu H phải đưa USB gốc cho chị A. H đồng ý và yêu cầu để tiền vào hộp bánh, sẽ có người đến tận cửa hàng chị A lấy tiền. H, D thuê ông Lê Văn V, sinh năm 1657; nơi cư trú: Số 45C/81 đường Đ, phường L, quận Hải An, thành phố Hải Phòng giá 100.000 đồng và yêu cầu ông V đến địa chỉ số 63 đường L, phường M, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng để nhận chiếc hộp tiền. Đến 16 giờ cùng ngày, ông V gọi điện cho chị A nói đang ở dưới cửa quán đợi lấy đồ. Chị A ra khỏi quán, đưa chiếc hộp có số tiền 100.000.000 đồng cho ông V. Khi ông V vừa nhận chiếc hộp trên thì bị Công an bắt quả tang.

Ngày 31/01/2019, Đinh N H, Đỗ V T và Phạm V D đến cơ quan Công an trình diện và giao nộp tài khoản Icloud trong đó có 03 clip chứa hình ảnh của chị An; 01 điện thoại Nokia 1010 màu đen trong chứa tin nhắn có nội dung đe dọa chị An. Cùng ngày, chị A giao nộp cho Cơ quan Công an 06 ảnh mà nhóm của H dùng để đe dọa.

Vật chứng vụ án: Số tiền 100.000.000 đồng là tiền hợp pháp của chị An, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị An; 01 điện thoại Nokia 1010 màu đen đã qua sử dụng trong có 01 sim số 0869115677; 01 USB bên trong chứa clip hình ảnh của chị A; 06 ảnh màu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đỗ Thị T A đã nhận lại số tiền 100.000.000 đồng và số tiền 10.000.000 đồng do gia đình các bị cáo đã bồi thường tổn thất tinh thần; chị A có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Bản Cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 22/8/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Đinh N H, Đỗ V T, Phạm V D về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo Đinh N H, Đỗ V T, Phạm V D khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã truy tố.

Bị hại Đỗ Thị T A và người làm chứng Lê Văn V giữ nguyên lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra. Bị hại xin giảm nhẹ cho các bị cáo và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đinh N H với mức án từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù; Đỗ V T với mức án từ 05 năm

tù đến 05 năm 06 tháng tù; Phạm V D với mức án từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù đều về tội "Cưỡng đoạt tài sản"; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại 01 điện thoại Nokia 1010 màu đen đã qua sử dụng; tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0869115677, 01 USB bên trong chứa clip hình ảnh của chị An; các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, tạo điều kiện để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ngô Quyền, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai nhận của các bị cáo Đinh N H, Đỗ V T, Phạm V D tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, khẳng định: Các bị cáo Đinh N H, Đỗ V T, Phạm V D đã có hành vi dùng hình ảnh nhạy cảm để uy hiếp tinh thần của bị hại Đỗ Thị T A nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 100.000.000 đồng nên đều phải chịu tình tiết định khung "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

[3] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo hộ và gây mất trật tự trị an nên buộc cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm nên phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để phân hóa tội phạm cũng như áp dụng một mức hình phạt tương xứng quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phân hóa vai trò của từng bị cáo:

[5] Bị cáo H tham gia với vai trò chính, là người đề xuất, phân công, trực tiếp thực hiện việc đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng nên phải chịu mức hình phạt cao nhất so với các bị cáo trong vụ án. Bị cáo T và D có vai trò đồng phạm giúp sức tích cực, cùng hưởng ứng khi H đề xuất nên T, D phải chịu mức hình phạt ngang nhau, nhưng thấp hơn so với bị cáo H.

[6] Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Nhân thân các bị cáo H, T, D đều không có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội, các bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú; đã tác động gia đình bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, gia đình các bị cáo có người thân (ông nội, ông ngoại, bác) là liệt sỹ, có thời gian tham gia quân ngũ và được Nhà nước tặng thưởng Huân huy chương kháng chiến. Do vậy, các bị cáo đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

[8] Ngoài hình phạt chính, các bị cáo Đinh N H, Đỗ V T, Phạm V D còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Xét, các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

[9] Bị hại Đỗ Thị T A đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì đối với các bị cáo H, T, D, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về xử lý vật chứng:

[10] Đối với 06 ảnh màu là công cụ các bị cáo sử dụng để phạm tội nhưng đã được đánh số bút lục kèm theo hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không xét. Cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia 1010 màu đen đã qua sử dụng; tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0869115677, 01 USB có chứa clip hình ảnh của chị A theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Trong vụ án còn có ông Lê Văn V là người lái xe ôm được H, D thêu đến lấy chiếc hộp bên trong có tiền, quá trình điều tra xác định ông V không biết về hành vi phạm tội của H, T, D nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Đinh N H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

+ Đỗ V T 05 (năm) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

+ Phạm V D 05 (năm) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia 1010 màu đen đã qua sử dụng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0869115677, 01 USB có chứa clip hình ảnh của chị An.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng)

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Đinh N H, Đỗ V T, Phạm V D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án:

Các bị cáo Đinh N H, Đỗ V T, Phạm V D; bị hại Đỗ Thị T A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra Công an quận Ngô Quyền;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận Ngô Quyền;
- PV 27 Công an thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến